

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 48/2024/KDTM-ST

Ngày 27/9/2024

Về việc: “Tranh chấp hợp
đồng mua bán hàng hóa”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thanh Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Trần Hải

- Ông Hoàng Minh Trinh

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Bà Võ Thị Tới - Thư ký Tòa án nhân dân
quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng
tham gia phiên tòa:* Bà Hà Thị Thu Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 137/2023/TLST-KDTM ngày 04 tháng 12 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2024/QĐXXST-KDTM ngày 15 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH MTV B.

Địa chỉ: B N, quận N, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Thu H và bà Nguyễn Tú Q;
Địa chỉ: P, tầng D, tòa nhà D, G B, quận H, thành phố Đà Nẵng. Có mặt

- Bị đơn: Công ty cổ phần V.378. Vắng mặt

Địa chỉ: G D, quận H, thành phố Đà Nẵng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, theo lời trình bày của người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nội dung vụ án như sau:

Ngày 10/01/2020, công ty TNHH MTV B và công ty cổ phần V.378 đã ký kết Hợp đồng kinh tế số 46/2020/HĐKT về việc cung cấp vật tư bột bả matit, sơn nước cho Gói thầu số 15 (XL04 - CSHT): Nâng cấp, cải tạo nhà ở và làm việc Ban QLDA - Dự án cơ sở hạ tầng thuộc TTĐL Q.

Ngày 12/01/2020, hai bên ký kết Phụ lục Hợp đồng số 47/2020/PLHĐ bổ sung đơn giá cho một số sản phẩm sơn nước áp dụng cho công trình của công ty cổ phần V.378.

Thực hiện hợp đồng, công ty TNHH MTV B đã cung cấp đầy đủ hàng hóa theo yêu cầu của công ty cổ phần V.378 và hoàn thành toàn bộ nghĩa vụ theo Hợp đồng mà hai bên đã ký kết. Các hóa đơn phát sinh từ Hợp đồng số 46/2020/HĐKT giữa hai bên như sau:

- + Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000305 ngày 13/01/2020: 44.621.500 VND
- + Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000308 ngày 17/01/2020: 49.080.900 VND
- + Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000334 ngày 20/03/2020: 3.773.000 VND
- + Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000341 ngày 08/04/2020: 30.074.000 VND
- + Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000374 ngày 26/06/2020: 38.770.600 VND

Tổng cộng là: 166.320.600 đồng (Bằng chữ: một trăm sáu mươi sáu triệu, ba trăm hai mươi nghìn, sáu trăm đồng).

Ngày 01/04/2020, công ty cổ phần V.378 đã thanh toán cho công ty TNHH MTV B 93.702.400 đồng (Thanh toán cho hai hóa đơn số 0000305 và 0000308).

Ngày 30/6/2020, công ty TNHH MTV B đã lập biên bản đối chiếu công nợ xác nhận số công nợ công ty cổ phần V.378 còn phải thanh toán là 72.617.600 đồng (Bằng chữ: Bảy mươi hai triệu, sáu trăm mười bảy nghìn, sáu trăm đồng), tuy nhiên phía công ty cổ phần V.378 không ký xác nhận.

Ngày 10/01/2021, công ty cổ phần V.378 thực hiện hoạt động kiểm toán đã gửi "Thư yêu cầu xác nhận số dư" yêu cầu công ty TNHH MTV B xác nhận công nợ. Theo đó, công ty TNHH MTV B đã xác nhận số nợ công ty cổ phần V.378 còn nợ Công ty TNHH MTV B tính đến ngày 31/12/2020 là 72.617.600 đồng.

Ngày 31/3/2023, tại Văn phòng công ty cổ phần V.378, công ty TNHH MTV B và công ty cổ phần V.378 đã lập biên bản đối chiếu công nợ xác nhận số công nợ 72.617.600 đồng, có chữ ký của ông Tạ Hữu L, đội trưởng đội 2 của công ty cổ phần V.378.

Mặc dù nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu bị đơn thanh toán số nợ quá hạn (Gửi giấy đề nghị thanh toán vào năm 2020, năm 2021, năm 2022 và gần đây nhất là ngày 19/07/2023). Tuy nhiên, đến nay bị đơn vẫn cố tình trốn tránh không thanh toán số tiền nêu trên. Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đ giải quyết, buộc bị đơn là công ty cổ phần V.378 thanh toán

số tiền nợ gốc: 72.617.600 đồng (Bảy mươi hai triệu sáu trăm mười bảy nghìn sáu trăm đồng) và số tiền lãi chậm trả, với lãi suất 10%/năm tính từ ngày 15/4/2023 (ngày thứ 15 kể từ khi lập biên bản đòi chiếu công nợ 31/3/2023) đến ngày 27/9/2024 là: $[(72.617.600 \times 10\%) : 365] \times 531 \text{ ngày} = 10.564.369 \text{ đồng}$.

Tổng cộng số tiền phải thanh toán là: 83.181.969 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn là Công ty cổ phần V.378, tuy nhiên bị đơn vẫn vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đồng thời không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tại phiên tòa bị đơn vắng mặt đến lần thứ hai.

Đại diện viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Tòa án đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu Tòa án buộc Công ty cổ phần V.378 trả số tiền 83.181.969 đồng là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Bị đơn là Công ty cổ phần V.378 có trụ sở tại G D, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng, do đó tranh chấp hợp đồng kinh tế giữa nguyên đơn và bị đơn thuộc thẩm quyền giải quyết sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận Hải Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự

[1.2] Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt đến lần thứ hai, do đó HĐXX áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy: Ngày 10/01/2020, Công ty TNHH MTV B và Công ty cổ phần V.378 đã ký kết Hợp đồng kinh tế số 46/2020/HĐKT về việc cung cấp vật tư bột bả matit, sơn nước cho Gói thầu số 15 (XL04 - CSHT): Nâng cấp, cải tạo nhà ở và làm việc Ban QLDA - Dự án cơ sở hạ tầng thuộc TTĐL Q. Ngày 12/01/2020, hai bên ký kết Phụ lục Hợp đồng số 47/2020/PLHĐ bổ sung đơn giá cho một số sản phẩm sơn nước áp dụng cho công trình của Công ty cổ phần V.378. Các hợp đồng này thỏa mãn các điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự theo quy định tại Điều 117 của Bộ luật Dân sự năm 2015

nên có hiệu lực pháp luật, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên, buộc các bên tham gia giao dịch phải tuân thủ thực hiện.

Quá trình thực hiện hợp đồng, công ty TNHH MTV B đã cung cấp bột bả matit, sơn nước cho công ty cổ phần V.378 theo đúng thỏa thuận tại hợp đồng về số lượng, chất lượng, phương thức giao nhận. Công ty cổ phần V.378 đã xuất các hóa đơn giá trị gia tăng sau:

- + Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000305 ngày 13/01/2020: 44.621.500 VND
- + Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000308 ngày 17/01/2020: 49.080.900 VND
- + Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000334 ngày 20/03/2020: 3.773.000 VND
- + Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000341 ngày 08/04/2020: 30.074.000 VND
- + Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000374 ngày 26/06/2020: 38.770.600 VND

Tổng cộng là: 166.320.600 đồng (Một trăm sáu mươi sáu triệu, ba trăm hai mươi nghìn, sáu trăm đồng).

Kết quả xác minh từ Cục thuế thành phố Đ xác định, Công ty cổ phần V.378 thực hiện công trình nâng cấp, cải tạo nhà ở và làm việc Ban QLDA – Dự án cơ sở hạ tầng thuộc Trung tâm điện lực Quảng Trạch - tỉnh Q từ năm 2019 đến năm 2020, và giao khoán toàn bộ cho ông Tạ Hữu L – Đội trưởng đội thi công; Toàn bộ các hóa đơn trên do cá nhân ông Tạ Hữu L tiếp nhận và gửi về công ty hạch toán, kê khai thuế. Hiện các hóa đơn này, Công ty cổ phần V.378 đã hạch toán chi phí vào công trình và kê khai thuế tại thời điểm Quý 1 và quý 2 năm 2020.

Như vậy trình bày của nguyên đơn về việc mua bán vật tư giữa Công ty TNHH MTV B và Công ty cổ phần V.378 là có cơ sở.

Ngày 01/04/2020 Công ty V.378 đã thanh toán cho Công ty B 93.702.400 đồng (Thanh toán cho hai hóa đơn số 0000305 và 0000308).

Tại biên bản đối chiếu công nợ cuối cùng ngày 31/3/2023, có ông Tạ Hữu L ký xác nhận, thể hiện số tiền công ty cổ phần V.378 còn phải thanh toán cho công ty TNHH MTV B là 72.617.600 đồng. HĐXX xét thấy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số nợ gốc là có căn cứ và cần được chấp nhận.

[2.2] Đối với yêu cầu tiền lãi của nguyên đơn: HĐXX xét thấy, ngày 31/3/2023, các bên đã lập biên bản đối chiếu công nợ xác nhận công ty cổ phần V.378 còn nợ công ty TNHH MTV B số tiền 72.617.600 đồng. Tại Điều 3 Hợp đồng kinh tế số 46/2020/HĐKT các bên có thỏa thuận nếu bên A (Công ty V.378) chậm thanh toán cho bên B (Công ty B) kể từ ngày thứ 15 của bản đối chiếu công nợ, bên A phải chịu tiền lãi tương ứng với thời gian vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Nguyên đơn yêu cầu mức lãi suất 10%, là phù hợp với Điều 306 Luật thương mại và mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán của 03 ngân hàng là 14,15%/năm (Gồm: Ngân hàng TMCP C lãi suất quá hạn là

18%/năm, ngân hàng TMCP Đ là 10,95%/năm, ngân hàng TMCP N là 13,5%/năm). Do đó, yêu cầu tiền lãi của nguyên đơn là có căn cứ cần chấp nhận.

[3] Từ các phân tích trên, HĐXX xét thấy đề nghị của đại diện viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu về việc chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, cần chấp nhận.

[4] Án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm bị đơn phải chịu. Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 227, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.
- Điều 50, 306 Luật thương mại.
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của công ty TNHH MTV B đối với công ty cổ phần V.378.

Xử:

1. Buộc công ty cổ phần V.378 phải trả cho công ty TNHH MTV B số tiền 83.181.969 đồng (Tám mươi ba triệu một trăm tám mươi một ngàn chín trăm sáu mươi chín đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm: 4.159.098 đồng (Bốn triệu một trăm năm mươi chín ngàn không trăm chín mươi tám đồng) công ty cổ phần V.378 phải chịu. Hoàn trả cho công ty TNHH MTV B 3.000.000 đồng (bằng chữ: Ba triệu đồng) tiền tạm ứng án phí Kinh doanh thương mại đã nộp theo biên lai thu số 0000010 ngày 30/11/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

3. Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- *Đương sự;*
- *VKSND quận Hải Châu;*
- *Chi cục THADS quận Hải Châu*
- *Lưu hồ sơ.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thanh Thủy